

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1220/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06-9-2023

V/v Tranh chấp ly hôn giữa
anh A và chị X

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tưởng Công Sơn

Các Hôi thâm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên

Ông Phan Minh Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà : Bà Hồ Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2023/HNST ngày 20 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 348/2023/QĐXX- HN ngày 25 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 339/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1964

Địa chỉ : Số E N, phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt).

Bí đơn : Chị Hoàng Thị Kim X, sinh năm 1965

Địa chỉ : Số E N, phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 3 năm 2023 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng A trình bày:

Anh A và chị Hoàng Thị Kim X tự nguyện đến với nhau và đăng ký kết hôn số 036/1988 tại Ủy ban nhân dân phường A1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22/4/1988.

Hạnh phúc gia đình kéo dài đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do thất bại trong kinh doanh. Anh A đã cố gắng đoàn tụ gia đình vì con và công việc nhưng không có kết quả. Từ năm 2018 cho đến nay anh A đã ly thân với chị X. Nay anh A yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị X để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh A và chị X có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng D sinh ngày 12/05/1990 đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của chị Hoàng Thị Kim X tại địa chỉ số E N, Phường E, quận G theo Quyết định yêu cầu cung cấp số 403/2023/QĐ-CCCTLCC ngày 27/3/2023 tại Công an phường E, quận G, được biết: “Hoàng Thị Kim X, sinh năm 1965 có hộ khẩu thường trú số E N, phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và thực tế đang cư trú.”

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập lấy lời khai và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải cho chị X đến Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị X không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

**Tại phiên tòa hôm nay:*

-Anh A có đơn xin vắng mặt và anh vẫn bảo lưu ý kiến của mình yêu cầu ly hôn với chị X.

Về con chung: Anh A và chị X Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng D sinh ngày 12/05/1990 đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

-Chị Hoàng Thị Kim X là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng.

-Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

-Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

-Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh Nguyễn Hoàng A ly hôn với chị Hoàng Thị Kim X.

-Về con chung: Anh A và chị X có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng D sinh ngày 12/05/1990, đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con .

- Về tài sản chung : Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

-Về nợ chung : Không có

- Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Anh Nguyễn Hoàng A khởi kiện bị đơn chị Hoàng Thị Kim X đang cư ngụ tại số E N, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn ” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Chị Hoàng Thị Kim X là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị X theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

-Ngày 14/8/2023, anh A có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa do bận công việc không thể tham gia phiên tòa được. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

*Về yêu cầu xin ly hôn của anh A, Hội đồng xét xử nhận thấy:

-Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 036/1988 tại Ủy ban nhân dân phường A1, Quận A Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22/4/1988 thì hôn nhân của Anh A và chị X là hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

*Về yêu cầu xin ly hôn của anh A, Hội đồng xét xử nhận thấy:

-Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 036/1988 do Ủy ban nhân dân phường A1, Quận A Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho anh A và chị X vào ngày 22/4/1988 thì hôn nhân của anh A và chị X là hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

-Anh A xin ly hôn với chị X vì anh cho rằng do thất bại trong kinh doanh, anh đã cố gắng đoàn tụ gia đình vì con và công việc nhưng không có kết quả; hạnh phúc không đạt như mong muốn. Do đó anh A có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị X theo Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ bản tự khai và đơn trình bày quá trình chung sống và phát sinh mâu thuẫn ngày 18/4/2023, Anh A yêu cầu ly hôn với chị X vì anh cho rằng anh và chị X thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh thất bại trong kinh

doanh. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, cuộc sống chung vợ chồng. Mặt khác anh A và chị X đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

-Căn cứ vào kết quả xác minh theo phiếu yêu cầu xác minh ngày 23/5/2023 của Tòa án và trả lời xác minh của Hội phụ nữ và Ủy ban nhân dân Phường E1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thì được biết : “Do đặc thù gia đình sống kín tiếng, ít liên hệ với hàng xóm cho nên đến nay UBND phường chưa tiếp nhận được thông tin nào liên quan đến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị Hoàng Thị X và anh Nguyễn Hoàng A”.

- Tòa án mời chị X đến Tòa án ghi nhận ý kiến và Tòa án mời hòa giải nhưng chị X không đến làm bản tự khai và cũng không tham gia phiên hòa giải chứng tỏ chị X không có thiện chí hàn gắn và đoàn tụ gia đình.

-Căn cứ theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Anh A và chị X hiện nay đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Mặt khác chị X không đến Tòa để hòa giải đoàn tụ gia đình mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ chứng tỏ chị X không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình yêu thương giữa hai vợ chồng, cùng vun đắp và chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc, thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã lâu nhưng cả hai không có hướng khắc phục để giải tỏa mâu thuẫn, dẫn đến ngày càng gay gắt hơn. Cả hai không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh A và chị X trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đã hàn gắn nhưng không thành. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa anh A và chị X trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa anh A và chị X không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì “Tòa án giải quyết cho ly hôn ...nếu có căn cứ về việc vợ chồng vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ chồng ...mục đích hôn nhân không đạt được...” do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh A ly hôn với chị X.

*Xét về con chung và yêu cầu nuôi dưỡng con chung của anh A: Anh A và chị X có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng D sinh ngày 12/05/1990 đã trưởng thành và anh A không đặt ra vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét .

*Về tài sản chung

-Căn cứ đơn khởi kiện cũng như bản tự khai ngày 18/4/2023, anh A tự khai tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa anh A và chị X tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết và về nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

-Chị X không đến Tòa án để Tòa án lấy lời khai của chị X về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân do đó sau này nếu chị X không tự thỏa thuận được và nếu có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân chị X có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

*Án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy anh A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số AA/2022/0012944 ngày 20/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, do đó anh A đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

[3] Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19; Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án ;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Anh Nguyễn Hoàng A và chị Hoàng Thị Kim X .

(Giấy chứng nhận kết hôn số 036/1988 do Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận A, Thành phố Hồ chí minh cấp cho anh A và chị X vào ngày 22 tháng 4 năm 1988 hết hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Anh A và chị X có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng D sinh ngày 12/05/1990 đã trưởng thành và không đặt ra vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Anh A tự khai không có.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng Anh A chịu nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số AA/2022/0012944 ngày 20/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Anh A đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo :

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được công bố, niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM ;
- Viện kiểm sát nhân dân quận GV;
- Chi cục THADS quận GV;
- UBND phường A1, Quận A, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)